

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huy Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh.

Ông Phan Đình Nguyễn.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Đặng Trường Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn”;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST – HNGĐ, ngày 17/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1969. Cư trú tại: Số nhà 83, khối M, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lữ Đức H, sinh năm 1966. Cư trú tại: Số nhà 83, khối M, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2020, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lữ Đức H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện,

có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An vào ngày 14/11/1989. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng khoảng 07 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H đã mất niềm tin đối với bà, bà đã nhiều lần cho ông H cơ hội để sửa đổi nhưng không được. Đến nay thì gia đình bà luôn bất hòa và không thể sống chung với nhau được nữa. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lữ Đức H.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông Lữ Đức H có 02 con chung là Lữ Đức T, sinh ngày 15/10/1992 và Lữ Thị Yến L, sinh ngày 05/02/2001, hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn ông Lữ Đức H trình bày:

Về hôn nhân: Ông thừa nhận về điều kiện, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà L đã trình bày. Trong khoảng 07 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng nhất là vài tháng trở lại đây. Nguyên nhân là do vợ chồng mất niềm tin đối với nhau. Ông thừa nhận là mình sai và xin lỗi vợ con, vì đang còn tình cảm với vợ nên mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình; nhưng nếu bà L không đồng ý đoàn tụ và nhất quyết yêu cầu được ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông và bà Bùi Thị L có 02 người con chung đúng như bà L đã trình bày. Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận. Vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Cho bà Bùi Thị L được ly hôn ông Lữ Đức H; về con chung: Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Bùi Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lữ Đức H có địa chỉ cư trú tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An nên đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An theo quy định khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các đương sự đều có mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Bà Bùi Thị L và ông Lữ Đức H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An vào ngày 14/11/1989 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 07 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng nhất là vài tháng trở lại đây. Nguyên nhân là do vợ chồng mất niềm tin đối với nhau. Bà Bùi Thị L khẳng định không còn tình cảm với ông H và mong muốn được ly hôn. Ông Lữ Đức H thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và cho rằng đang còn tình cảm với bà L nên không muốn ly hôn nhưng ông H không có biện pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân và trên thực tế thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, nếu bà L nhất quyết yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý. Xét thấy, việc vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Lữ Đức H.

[3]. Về con chung: Bà Bùi Thị L và ông Lữ Đức H có 02 con chung là Lữ Đức T, sinh ngày 15/10/1992 và Lữ Thị Yến L, sinh ngày 05/02/2001, hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho bà Bùi Thị L và ông Lữ Đức H được ly hôn.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002523 ngày 30/6/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nghệ An. Bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi Cục THADS huyện N;
- UBND xã Th, h. Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Huy Mạnh